

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI XÉT CHUẨN ĐẦU RA BẬC 5 NGOẠI NGỮ 1

CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHNH-ĐHQGHN

I. MIÊU TẢ CHUNG

1. Bài thi Nghe

- Thời gian: 25 - 30 phút (bao gồm cả thời gian nghe và thời gian chuyển câu hỏi sang phiếu trả lời – nếu có/tùy từng ngoại ngữ)
- Nghe 1 lần
- Số lượng: 20-30 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Bài thi gồm 3-4 phần
- Yêu cầu: nghe các đoạn độc thoại và đoạn hội thoại từ ngắn đến dài và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Đánh giá: Khả năng nghe hiểu thông tin chính, chi tiết, mục đích giao tiếp, quan điểm và mối liên hệ giữa những người tham gia đối thoại; xác định chủ đề, nơi chốn, tình huống; kỹ năng nghe hiểu quan điểm, thái độ của người tham gia hội thoại; kỹ năng nghe hiểu lập luận của người nói
- Chủ đề: đa dạng, phong phú bao gồm các chủ đề liên quan đến đời sống thường nhật, các vấn đề học thuật trừu tượng, các chủ đề chuyên môn, xã hội tương đối phức tạp

2. Bài thi Đọc

- Thời gian: 40 - 50 phút
- Số lượng: 15-40 câu
- Yêu cầu: Đọc 3 - 8 văn bản (tùy thuộc vào độ dài ngắn của văn bản) và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Đánh giá: Kỹ năng đọc hiểu các thông tin cụ thể trong văn bản; khả năng hiểu các chi tiết nhỏ, các miêu tả chi tiết của một quá trình; kỹ năng xác định và hiểu ý chính, các chi tiết quan trọng, phức tạp như thái độ, quan điểm của tác giả trong văn bản, nội dung chuyên ngành phong phú, đa dạng; kỹ năng đọc hiểu hàm ngôn và dẫn chiếu từ văn bản
- Ngữ liệu: Các văn bản dài 350-700 từ (hoặc quy chiếu ra số lượng kí tự tương ứng với từng ngôn ngữ) dưới nhiều hình thức như quảng cáo, thông báo, báo cáo, biên bản ghi nhớ, bài báo, bản nhận xét, trích đoạn văn học, bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo; các văn bản có độ khó tăng dần, độ khó của văn bản thuộc bậc ba, bậc bốn

3. Bài thi Viết

- Thời gian: 60 -70 phút
- Số lượng: 2 tác vụ

Tác vụ 1

- Kiểm tra kỹ năng viết các văn bản có độ dài vừa phải như viết báo cáo, viết thư công việc, mô tả biểu bảng, tả tranh v.v
- Đánh giá: Kỹ năng tóm tắt ý chính, diễn giải các thông tin một cách mạch lạc / kỹ năng sử dụng các chức năng ngôn ngữ để đạt được những mục đích giao tiếp cụ thể; sắp xếp ý thành câu và đoạn, đưa dấu hiệu về các quan hệ lô-gíc, sử dụng các công cụ liên kết văn bản
- Ngữ liệu: Các hình vẽ, biểu đồ, sơ đồ hoặc các đoạn văn bản ngắn

Tác vụ 2

- Kiểm tra kỹ năng viết một bài luận về một chủ đề cho trước

- Đánh giá: Kỹ năng viết bài luận rõ ràng, mạch lạc về chủ đề phức tạp, nhấn mạnh những điểm quan trọng; kỹ năng viết một văn bản mở rộng và bảo vệ quan điểm bằng các lý lẽ và ví dụ hợp lý
- Ngữ liệu: Chủ đề có tính trừu tượng, phức tạp

4. Phần Từ vựng- ngữ pháp (có thể lồng ghép vào bài thi Đọc – Viết)

- Thời gian: 15 - 30 phút
- Số lượng: 15-40 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn

* Riêng tiếng Nhật có thêm nội dung chữ Hán trong phần thi.

5. Bài thi Nói

- Hình thức: cá nhân (1 thí sinh / lượt)
- Thời gian: 10 phút
- Số lượng: 3 phần thi
- Kiểm tra đa dạng khả năng trả lời các câu hỏi ngắn không có thời gian chuẩn bị, tả tranh / đọc thoại hoặc đối thoại / tranh luận dài có thời gian chuẩn bị, khả năng trình bày theo tình huống và theo chủ đề
- Đánh giá: Kỹ năng phản hồi nhanh; phát triển ý, giải thích, trình bày có lý lẽ và đánh giá các quan điểm; diễn đạt trôi chảy các quan tâm của cá nhân; kỹ năng trình bày về một vấn đề một cách rõ ràng, có cấu trúc chặt chẽ; kỹ năng so sánh, đối chiếu, tổng hợp, khái quát và tóm tắt nội dung; kỹ năng trình bày quan điểm, mở rộng và hỗ trợ quan điểm bằng những ý nhỏ và ví dụ thuyết phục; kỹ năng thảo luận về 2 luồng ý kiến trái chiều của một chủ đề phức tạp, nguyên nhân - kết quả, đề xuất giải pháp, dự đoán tương lai, thỏa thuận, tìm kiếm sự đồng thuận của người tham thoại; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các yếu tố cận ngôn

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM BÀI THI

Kết quả của bài thi là trung bình cộng của các điểm thành phần.

(Điểm để lẻ đến 0,5. VD: 5.5. Quy tắc quy điểm: dưới 0.25 quy về 0.0; từ 0.25 quy về 0.5)

Các bậc năng lực	Tổng điểm
Đạt CĐR C1	5.0 – 10.0
Không đạt CĐR C1	< 5.0